



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Thanh Long
Last Middle First

Current Address: 136/14A ấp Trung Hoa, Dục Hoa, Thủ Đức, Sg. B.

Date of Birth: 11/19/40 Place of Birth: My Tho

Previous Occupation (before 1975) CPT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07/01/75 To 04/22/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Sông Bé ngày 27.2.1990.

Kính Bà Thảo,

Trước-kính gửi lời thăm Bà và gia.
đình đang mạnh.

Thưa Bà,

Em là người ở phường trời xa việc lá thư
này đến kính nhờ Bà giúp đỡ. cũng như tất
cả những người. cũng trong hoàn cảnh của
Em. mong Bà vui lòng can thiệp để Em
được lên danh sách trong chương trình HO
Em việc lý lịch này theo mẫu của Bà rất
lâu rồi nhưng vì khả năng khó khăn lắm,
hôm nay em xin gửi hồ sơ đến mong Bà
giúp cho và khi nhận được Bà gửi về Em
giấy hỏi sao kèm theo để việc quá
trình khi cần.

Văn tại mấy hàng, kính-chào Bà.

Kính gửi đến kèm:

Kính chào Bà Thảo.

Nay kính thư.

Lưu

1. giấy ra thai.

1. giấy phục hồi quyền công dân.

1. hôn thú.

1. khai sinh - Nguyễn Thái Long

1. khai sinh Trần Thị Nga

1. khai sinh Nguyễn Thị Thanh

3. mẫu đơn Questionnaire.

Nguyễn - Thái Long

Đại úy -

Hà chỉ: 136/141 Trưng-Hoà -

Điạ. Hoà -

T.T. Phú. Dân. Hộ. (châu. Thái).

Sông Bé.



HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5415, ARLINGTON, VA 22205-0415
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)
Mẫu (Chức vụ) LY-LICH

NAME (Tên tự-nhan) NGUYEN - THANH - LONG
Last (Tên họ) NGUYEN Middle (Giữa) THANH First (Tên gọi) LONG
DATE, PLACE OF BIRTH (Kam, nơi sinh) 11 19 1940
Month (Tháng) 11 Day (Ngày) 19 Year (Năm) 1940
SEX (Nam hay Nữ) Male (Nam) Male Female (Nữ) Female
MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình) Single (Độc thân) Single Married (Có lập gia đình) Married
ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại Việt-Nam) 136/44 Trưng-Hoà Road, Binh-Hoa Village, Song-Bé Town
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) Yes (Có) Yes No (Không) No
If Yes (Nếu có): From (Từ) 01-2-1975 To (Đến) 20-4-1981
PLACE OF RE-EDUCATION: (Nơi tái-tu) TÂN-HIỆP (CÚC HẢI, BIÊN HÒA)
PROFESSION (Nghề nghiệp) None
EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ) Yes
VIET ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) 3rd Lt Position (Chức vụ) Platoon Leader
VIET GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) Platoon Leader Date (Date) 1969-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) Yes (Có) Yes No (Không) No
IV Number (Số hồ sơ) 136/44
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) 2
(Tên thân nhân theo cùng) Xin ghi họ tên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) 136/44 Trưng-Hoà Road, Binh-Hoa Village, Song-Bé Town
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay người bảo trợ) TRAN - THI - NGA Wife
NGUYEN - THANH - THIEN PHU (son/boy)
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) Yes (có) Yes No (Không) No
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) None
NAME & SIGNATURE: NGUYEN-THANH-LONG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Tên, Chức vụ, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) LONG LONG
136/44 Trưng-Hoà Road, Binh-Hoa Village, Song-Bé Town
DATE: 10 10 1989
Month (Tháng) 10 Day (Ngày) 10 Year (Năm) 1989

Long

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) 1

(List on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
TRẦN - THỊ - NGÀ	1948	wife
NGUYỄN - THANH - THIÊN - PHÚ	1973	son

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION

1. Tôi là (questionnaire) qua Canada như người
Em (Bố mẹ đẻ) lập gia đình VI/CNP đang học tại Đại học 11/1988.
Đã học tại trường St. Vincent's - Windsor, Canada 1989-1992 (Canada)

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

• HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
• VIỆT NAM

• P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0435

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (BA Thơ)

Fill out this questionaire in English if completely as possible. If you cannot write in English, fill it out in Vietnamese.

in Hanoi and can help you fill it out. If you cannot write in English, fill it out in Vietnamese.

Fill out and send the completed questionnaire to:

127 Panabum Building-71,
Sakien Lal Road
Bangkok 10120
Thailand

Basic Identification Data/Thông tin cơ bản

Name
Họ, tên

NGUYỄN THANH LONG

Other Names
Tên khác

Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh

12-11-1940 HUYTA (TOWN) THAI PHU PROVINCE

Residence Address
Địa chỉ thường trú

136/144 TUNG HOA VILLAGE, DISTRICT HUE, SONG BE TOWN

Working Address
Địa chỉ làm việc

Dist. Hoa Village, Song Be Town

Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại

Lam rương (cultivate)

Relative To Accompany He/She can come with you

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: Married (M), Divorced (D), Single (S).
Chồng/Vợ/Con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng hôn nhân như sau: 03 lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thủ (U), hoặc độc thân (S).

Name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
Họ, tên	Ngày/Tháng/Năm sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia đình	Mối quan hệ gia đình
1. THANH THI NGUYEN	1948	Dist. Hoa	NỮ	Độc thân	Vợ
2. NGUYEN THANH THIEP PHU	1973	Phu Cuong	NAM	Độc thân	Con
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note address in Section I below.

Chú ý: Đối với những người trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy kết hôn (nếu đã kết hôn), giấy ly hôn (nếu đã ly hôn), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thủ), thẻ căn cước (nếu có), và ảnh. Nếu bất kỳ người đi cùng bạn không sống cùng bạn, hãy ghi địa chỉ của họ trong phần I.)

1. Closest Relative in the U.S.
và con thân nhất ở Hoa Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên hệ gia đình

c. Address
Địa chỉ

d. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Country
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên hệ gia đình

c. Address
Địa chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Tiê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

NGUYỄN VĂN TÂN

(CHẾT)

2. Mother
Mẹ

TRẦN THỊ CÚC

(CHẾT)

3. Spouse
Vợ/Chồng

TRẦN THỊ NGUYỄN

(SỐNG)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

Children
Con cái

(1) NGUYỄN THỊ ANH

(SỐNG)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

5. Siblings

Anh chị em

(1) Anh Nguyễn Văn Phấn, Long Xuyên, Cần Thơ

(2) Chị Nguyễn Thị Hằng, Cần Thơ

(3) Brother

(4) Nguyễn Văn Phúc, 77/6 QL 13, P. 26, H. K. City

(5) Nguyễn Văn Phúc, The Thien, Ca Mau

(6) Nguyễn Văn Phúc, The Thien, Ca Mau

(7) Nguyễn Văn Phúc, The Thien, Ca Mau

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Service or other U.S. Organization of you or your spouse
Spouse đã từng làm việc cho chính phủ hoặc các cơ quan của chính phủ Mỹ hoặc khác Mỹ

Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment
Thời gian làm việc

From
Từ

To
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

2. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment
Thời gian làm việc

From
Từ

To
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

3. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng

Length of Employment
Thời gian làm việc

From
Từ

To
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

7. Service with GVN or RVNAF by You or Your Spouse/Hạn Hạng Vo/Chồng Da Công-vu voi
Chính-phu Việt-Nam

Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia

NGUYEN-THANH-LONG

Dates
Ngày, tháng, năm

From
Từ

To
Tới

18-11-1964

30-4-1975

Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng

Captain chief plan P.S.D.F.
Binh-Duong

Serial Number
Số thẻ nhân viên

Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung

Plan P.S.D.F. BINH DUONG - BINH DUONG SECTOR

Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/nh-quan
chỉ-huy

Major BUI XUAN-BUOC

6. Reason for departure:
 7. Reason of American Agent:
 8. U.S. Embassy/Consulate:
 9. U.S. Embassy/Consulate:
 Date of arrival:
 Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diploma, awards or certification, if available.)
 (CHÚ Ý: Xin hạn theo bản có sẵn, nếu có, kèm theo bằng chứng, nếu có.)
 Đồng ý có bằng chứng? Có / Không:

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Hai hoặc Vợ/Chồng đã học tập ở nước ngoài

1. Name of Student/Trình độ:
 Họ tên Sinh viên/Trình độ học tập:
 2. School and School Address:
 Trường và địa chỉ nhà trường:
 3. Dates:
 Ngày, tháng, năm:
 4. Description of Course:
 Mô tả ngành học:
 5. Who paid for training:
 Ai trả tiền cho việc học tập:

(NOTE: Please attach copies of Diploma or orders, if available.)
 (CHÚ Ý: Xin hạn theo bản có sẵn, nếu có, kèm theo bằng chứng, nếu có.)

D. Receducation of You or Your Spouse/Hai hoặc Vợ/Chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Receducation:
 Họ tên người đi học tập cải tạo: NGUYỄN THÀNH LONG
 2. Time in Receducation:
 Thời gian học tập:
 3. Still in Receducation:
 Vẫn còn học tập cải tạo?

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 (Nếu thả: Chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Any Additional Remarks/Chú ý phụ thuộc

Signature: Long Date: 10-10-1989

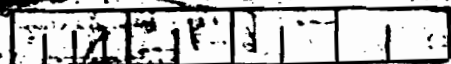
Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với câu hỏi này

1. Receducation certificate No 974 (go out camp)
 (photo copy)
 2. Marriage certificate No 14
 3. Certificate of birth
 Nguyễn Thanh Long
 Trần Thị Ngọc
 Nguyễn Văn Thanh - Phan

30 FOI VU
TRAI...TAM NIEP.
66/55/GKT

VIET NAM
-02

Kho 5001-11
Đã được theo
Công văn số
277 ngày 30
tháng 12 năm 1972.



SNBID

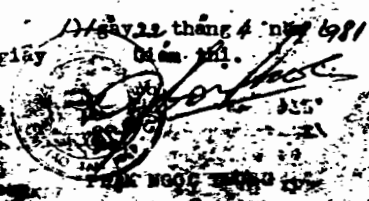
GIẤY RA TRAI.

Theo thông tư số 944-200A/TT ngày 31-7-1961 của Bộ Công An.
Thị trấn An Văn, quyết định tha số 11 Ngày 30 tháng 1
năm 81 của Bộ Công An.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:
Họ và tên khai sinh: NGUYỄN THANH LONG
Họ và tên thường gọi: _____
Họ và tên bí danh: _____
Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1940
Nơi sinh: _____
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: _____
136/4 đường hòa bình xã châu thành SÔNG SÈ
Cán bộ: Đại úy PHƯƠNG SÁM KẾ HOẠCH
Bị bắt ngày: 1-7-75 Án phạt: 2002
Theo quyết định của Bộ Công An ngày _____ tháng _____ năm _____
Đã bị bắt giam tại _____ năm _____ tháng _____
Đã bị bắt giam tại _____ năm _____ tháng _____
Nay về quê gia đình: 136/4 TP. NGANG HÒA BÌNH HÒA GIANG TỈNH
SÔNG SÈ

CHỖ XEM QUA ĐƯỢC BẮT ĐẠO
CHỖ CHÁI THẮNG
CHỖ

Lên tay ngón trỏ phải Họ tên, chữ ký
của NGUYỄN THANH LONG người được cấp giấy
Danh bản số: 008105
lập tại: TÂN HIỆP



Ngày 1/8/81
liệu nhân dân
nhập khẩu

Đã ký Thước - long, do...
Trình diện tháng 8

Đã trình diện tại Ủy ban Thủ lĩnh

Ngày 15.10.81

Phạm Văn

Đã ký Thước - long, do...
Trình diện

Ngày 15/10/81

Phạm Văn

Xác nhận Nguyễn Thanh Long
Trình diện CAT

Ngày 15/4/82

Phạm Văn

Nguyễn Văn

(I) LẤY PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN

Căn cứ vào chính sách 10 điều của Chính phủ Cách-mạng lâm thời
Cộng-hòa Miền Nam Việt-Nam, đối với những người là: việc cho -
bộ lấy quyền, quyền của chế độ cũ.

Xét đơn xin phục hồi quyền công dân của Nguyễn Thanh Long
và đơn báo lẫn Trần Thị Nga 19/8 194 196/16 Đị Trưng 15
Xa tiếp 16 Thị Xa 168 168 168 168
Căn cứ sự đề nghị của Ủy ban nhân dân Xã tỉnh 115

Đã xem xét và cho ý kiến như sau:

(II) QUYẾT ĐỊNH

Lấy phục hồi quyền công dân cho NGUYỄN THANH LONG
sinh năm 1912, ngụ tại ấp Trưng 15 xã Trưng 15
huyện Trưng 15, tỉnh Sông Bé.

Có giấy chứng nhận học tập cuối học số 954 cấp ngày 22-4-1991
Số tài liệu 06 tháng 12 năm 1912, ảnh Long
được tự do ci lại và hưởng quyền công dân như những người công
dân khác của nước Cộng-Hòa Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam.

Trần-dân-một, ngày 06 tháng 12 năm 1912.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Trưng 15

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Quận: CHÂU-TRUNGXã: THỊNH-HÒASố hiệu: 18

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THỰ

Tên họ người chồng NGUYỄN-THÀNH-LONGnghề-nghiệp Quản nhânsinh ngày 10-01-1925 tháng 01 năm một ngàn chín trăm hai mươi lămtại Thịnh-Hòa, Bình-Trungcư-sở tại Xã Thanh-Hòatạm-trú tại KBC 4025Tên họ cha chồng Nguyễn-Văn-Tân (đang)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Trang-Thị-Cốc (đang)

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ TRẦN-THỊ-NGAnghề-nghiệp Nhà-tư-rủsinh ngày 10-01-1925 tháng 01 năm một ngàn chín trăm hai mươi lămtại Thịnh-Hòa (Thịnh-Huân)cư-sở tại Xã Bình-Hòatạm-trú tại -----Tên họ cha vợ Trần-Văn-Thích (đang)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Thị-Thị-Đức (đang)

(Sống chết phải nói)

- Ngày cưới Ngày một tháng tám, năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm- Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế //ngày // tháng // năm //tại // //

Kiến khi đã hợp pháp theo luật hôn nhân và gia đình

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Sinh ra và sống chung với nhau

Trích y bốn chánh

Thịnh-Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 1990

LƯU THỨC HỒ-TỊCH

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã Thanh-Hòa (Mytho)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 664
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-Thành-Long</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>Le 19 novembre 1940</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Maternité de Cai Lậy</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-văn-Tân</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Buôn bán</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Thanh-Hòa</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Trang-thị-Cúc</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Buôn bán</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Thanh-Hòa</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ thứ</u>

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier ou Chef du dit Tribunal).

ngày 196
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh.
(L'extrait conforme)

Mytho ngày 9/1 196 9

CHÁNH-LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Giá tiền: 50

Điền-lại số: 15086/hat/6

(Signature)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet-Nam)PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HÀNG BÍNH ĐÔNGTÒI - CAO PHÁP - VIỆN
(Cass Supérieure)

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Bình-Hòa

(Extrait du registre des actes de naissance)

LIÊN BÌNH ĐÔNG(NAM-PHÂN
(Sud Viet Nam)NĂM 1961
(Année)SỐ HIỆU 51
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TÓA HÒA, Biên-Hòa, xã và việc bộ trọng phiên nhóm công khai ngày 30 tháng 6 năm 1961, có lên an số 1660, mã-chu văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	LỖI CỎ LẺ LY
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Chứng nhận Trần-văn-Phiến nhìn Thái-thị-Hà là con từ sinh
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	phản rằng : Trần-thị-Hà
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	sinh năm 1946, tại xã Bình-Hòa (Thước luật) là con của Trần-văn-Phiến và Thái-thị- Đạt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	phản rằng, áp này thực-vi khai sinh cho đứa trẻ nói trên.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	ĐOÀN Y THỰC
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	sinh, được, ngày 24 tháng 6 năm 1961 Chánh-lục-Sự
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	(ký tên và ấn dấu : Ngô-thế-Chí)
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi
(Nous)Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)chứng cho hợp-pháp chữ ký tên này
(Certifions l'authenticité de la signature de)Ông
(M)Chánh Lục-Sự Tòa-án số tại
(Greffier au Chef de la Tribunal)Ngày 23
CHANH-ẤN
(LE PRESIDENT)Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

LIÊN BÌNH ĐÔNG, ngày 18/3 1970

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHARGE)Giá tiền: 1500
(Coût)Biên-lai số:
(No annexes N°)

GIẤY KHAI SINH

SO: 1971
Quota #: 01

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Châu Xuân Phai		Nam, 28 tuổi
Sinh ngày tháng năm	Ngày một, tháng một, năm một ngàn chín trăm ba mươi ba (01-01-1973)		
Nơi sinh	Xã Phú Cường		
Khởi về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Châu Long 1940	Trần Văn Nga 1948	
Dân tộc	Sinh	Kinh	
Quốc tịch	Nhật Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lao động	Nhà thầu	
Nơi ĐKKK thường trú	136/14T K2 Trưng Vương	136/14T K2 Trưng Vương	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy đăng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Phai Xuân Phai 28 tuổi tại 136/14T K2 Trưng Vương, xã Phú Cường, thị trấn TDM, SB		

Đã ký ngày 01 tháng 10 năm 1984

T.M: U.B.N.D.Y. Đinh Lữ ký tên, đóng dấu
(Chữ rõ họ, tên, chức vụ)



Nguyễn Văn Quỳ

Người gửi: Nguyễn - Thanh - Long 135/14 + Trưng Hoà - Bình. Hoà - Thị xã Thủ Đức. Hồ. Sông

MAR 13 1990

Kính gửi,

Bà KHUẾ - MINH - THO'

P.O. BOX 5435

609

Arlington VA 22205 - 0635

Điện thoại số (703) 560 - 0058

NAVY
PAR AVION

USA

AR
BẢO
MIỄN

809 - 21.870

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

2/18